



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

**QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TRÊN
ĐỊA BÀN XÃ ĐẮK PÉK, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 834.04.10

Người hướng dẫn khoa học: TS. NINH THỊ THU THỦY

Đà Nẵng - Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS.Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Đề án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp
thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà
Nẵng vào ngày..... tháng..... năm 2025.

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, giữ vai trò nền tảng trong hệ thống tài chính công và là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô quan trọng. Thông qua chính sách thuế, Nhà nước vừa đảm bảo nguồn lực tài chính cho hoạt động công quyền, đầu tư phát triển, an sinh xã hội, vừa điều chỉnh thị trường, định hướng dòng chảy nguồn lực xã hội.

Tại Việt Nam, nhiều đợt cải cách đã giúp hình thành hệ thống chính sách thuế toàn diện, quản lý thống nhất và minh bạch, khẳng định bốn giá trị cốt lõi: “Minh bạch – Chuyên nghiệp – Liêm chính – Đổi mới”. Tuy nhiên, một bộ phận tổ chức và hộ kinh doanh vẫn thiếu tự giác trong thực hiện nghĩa vụ thuế, gây khó khăn cho mục tiêu “thu đúng, thu đủ”.

Tại xã Đắk Pék (Quảng Ngãi), công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh đã đạt kết quả tích cực, thể hiện ở tăng trưởng nguồn thu và giảm thất thu. Song, vẫn còn tồn tại như bỏ sót hộ kinh doanh, kê khai doanh thu chưa sát thực tế, khiến khoảng cách giữa tiềm năng và kết quả thu vẫn lớn. Do đó, việc hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế hộ kinh doanh tại địa phương là yêu cầu cấp thiết, vừa tăng thu ngân sách, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Xuất phát từ thực tiễn này, đề tài “Quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đắk Pék, tỉnh Quảng Ngãi” mang ý nghĩa lý luận và giá trị ứng dụng cao, có thể làm mô hình tham khảo cho các địa phương có điều kiện tương tự.

2. Mục tiêu của việc xây dựng đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi để xây dựng đề án quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý về quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh.
- Đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi.
- Đề xuất một số giải pháp của đề án quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi.
- Tổ chức thực hiện đề án.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Đề án nghiên cứu công tác quản lý thu thuế đối với HKD trên địa bàn xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Về không gian*: Nghiên cứu tại địa bàn xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể tại Cơ quan thuế cơ sở 11 tỉnh Quảng Ngãi.
- *Về thời gian*: Thực trạng quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh nghiên cứu trong giai đoạn 2020 – 2024. Các giải pháp của đề án đề xuất cho giai đoạn 2025 – 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề án sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp, phân tích – tổng hợp, so sánh, thống kê mô tả,

phân tích chuỗi thời gian và điều tra thực địa nhằm đánh giá toàn diện công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại xã Đắk Pék.

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Đề án Quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đắk Pék, tỉnh Quảng Ngãi mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, hướng tới việc phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế tại địa phương. Việc nghiên cứu này không chỉ giúp cơ quan thuế và chính quyền địa phương nâng cao hiệu quả quản lý, chống thất thu và tăng nguồn thu ổn định cho ngân sách, mà còn góp phần tạo ra một môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch hơn cho người nộp thuế.

6. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các từ viết tắt, danh mục các bảng, hình vẽ, phụ lục và tài liệu tham khảo, đề án gồm có 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý của đề án quản lý thuế đối với hộ kinh doanh

Chương 2: Thực trạng quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đắk Pék, tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3: Giải pháp của đề án quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đắk Pék

Chương 4: Tổ chức thực hiện

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH

1.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh

1.1.1. Hộ kinh doanh

1.1.1.1. Khái niệm hộ kinh doanh

Hộ kinh doanh có thể do một cá nhân hoặc nhiều thành viên trong cùng một hộ gia đình đứng tên đăng ký. Chủ hộ phải chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản đối với mọi nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hoạt động sản xuất – kinh doanh. Khác với doanh nghiệp, hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân độc lập mà gắn liền với trách nhiệm cá nhân của chủ sở hữu (Bộ Tài chính, 2021).

1.1.1.2. Đặc điểm hộ kinh doanh

Theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 01/2021/NĐ-CP, hộ kinh doanh có đặc trưng: không có tư cách pháp nhân, chủ hộ và thành viên gia đình chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản; chủ thể thành lập có thể là cá nhân từ 18 tuổi hoặc các thành viên hộ gia đình; mỗi cá nhân/hộ chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh duy nhất; hoạt động với quy mô nhỏ, được phép kinh doanh tại nhiều địa điểm nhưng phải chọn một trụ sở chính và thông báo cơ quan quản lý khi mở địa điểm khác.

1.1.1.3. Vai trò của hộ kinh doanh

- Tạo việc làm cho lao động địa phương, đặc biệt là lao động nông thôn và trình độ thấp.
- Góp phần phát triển kinh tế địa phương qua hoạt động dịch vụ, bán lẻ, sản xuất thủ công.
- Là cầu nối chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp sang đa ngành, nâng cao giá trị lao động.

- Hình thành mạng lưới phân phối linh hoạt, đưa hàng hóa đến cả vùng sâu, vùng xa.

- Tạo nguồn thu thuế ổn định cho ngân sách địa phương qua các loại thuế, phí và lệ phí.

1.1.2. Thuế đối với hộ kinh doanh

1.1.2.1. Tổng quan về thuế

1.1.2.2. Các sắc thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh

❖ Lệ phí môn bài:

Bảng 1.1. Mức thu lệ phí môn bài HKD phải nộp

Doanh thu bình quân năm	Mức phí cả năm
Doanh thu trên 500 triệu đồng/năm	1.000.000
Doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm	500.000
Doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm	300.000

Doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống được miễn lệ phí môn bài.

Hộ kinh doanh thành lập mới sau ngày 25/02/2020: Miễn lệ phí môn bài cho năm đầu tiên.

❖ Thuế giá trị gia tăng (GTGT):

Bảng 1.2. Tỷ lệ % tính thuế GTGT cho HKD

Loại hình kinh doanh	Tỷ lệ thuế GTGT
Phân phối, cung cấp hàng hoá	1%
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	5%
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	3%
Hoạt động kinh doanh khác	2%

❖ **Thuế thu nhập cá nhân (TNCN):**

Bảng 1.3. Thuế suất thuế TNCN cho cá nhân kinh doanh

Loại hình kinh doanh	Thuế suất thuế TNCN
Phân phối, cung cấp hàng hoá	0.5%
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	2%
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	1.5%
Hoạt động kinh doanh khác	1%

1.1.3. Quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý thuế 2019, quản lý thuế là việc tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về thuế như đăng ký, khai, nộp, miễn, giảm, hoàn, khoan nợ, xóa nợ, kiểm tra, thanh tra, cưỡng chế và xử lý vi phạm. Đối với hộ kinh doanh, quản lý thu thuế chính là việc áp dụng các hoạt động này cho nhóm đối tượng đặc thù, bảo đảm họ tuân thủ nghĩa vụ thuế theo quy định.

Quản lý thu thuế có vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa chính sách thuế. Mức độ thành công của các mục tiêu như điều tiết kinh tế, bảo đảm công bằng xã hội hay huy động nguồn lực phát triển quốc gia phụ thuộc lớn vào hiệu quả quản lý. Nguyên tắc “thu đúng, thu đủ, thu kịp thời” là thước đo cơ bản của một hệ thống quản lý hiệu quả, đồng thời quyết định sự thành bại của chính sách thuế.

1.2. Nội dung quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh

1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Bộ máy quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh được tổ chức theo hệ thống ngành dọc, từ trung ương đến địa phương, đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành và thực thi thống nhất.

Cấp Trung ương: Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng chính sách, pháp luật về thuế, chỉ đạo và hướng dẫn toàn ngành trong công tác quản lý thuế, bao gồm cả đối tượng hộ kinh doanh.

Cấp tỉnh, thành phố: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ chỉ đạo, triển khai công tác quản lý thuế trên địa bàn, bao gồm việc hướng dẫn, kiểm tra các Thuế cơ sở thuộc tỉnh.

Cấp xã, phường: Thuế cơ sở là đơn vị trực tiếp quản lý thu thuế đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn. Tại đây, bộ máy được chia thành các đội chuyên trách, đóng vai trò then chốt trong việc tiếp xúc, quản lý và hỗ trợ hộ kinh doanh, bao gồm:

- **Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế:** Phổ biến chính sách, giải đáp vướng mắc.
- **Đội Kế khai – Kế toán thuế và Tin học :** Hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế.
- **Đội Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế:** Đơn đốc, thu hồi nợ thuế.
- **Đội Kiểm tra thuế:** Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra tại trụ sở cơ quan thuế hoặc tại địa điểm kinh doanh.
- **Đội Quản lý thuế xã, phường:** Quản lý trực tiếp các hộ kinh doanh trên địa bàn được phân công.

1.2.2. Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế là khâu nền tảng trong quản lý thuế hiện đại, đặc biệt với hộ kinh doanh có quy mô nhỏ và hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Hoạt động này giúp phòng ngừa vi phạm, nâng cao ý thức tự giác, đồng thời giảm chi phí quản lý và tăng hiệu quả thu thuế.

- Trang bị kiến thức pháp luật thuế, giúp hộ kinh doanh thực hiện đúng nghĩa vụ.

- Giảm sai phạm, tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ.
- Hỗ trợ kịp thời, tạo sự tin tưởng với cơ quan thuế.
- Giảm chi phí thanh tra, kiểm tra nhờ tuân thủ tự nguyện.
- Nâng cao tỷ lệ thu đúng hạn, hạn chế nợ đọng thuế.

1.2.3. Lập dự toán thu thuế

Dự toán thu thuế là công cụ quan trọng để xác định mục tiêu thu ngân sách nhà nước với các con số cụ thể, được phân tách theo từng nguồn thu, lĩnh vực và sắc thuế. Hoạt động này vừa mang tính định hướng, vừa tạo động lực để cơ quan thuế huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, đồng thời là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả quản lý thuế trong từng giai đoạn. Quy trình lập dự toán được triển khai qua nhiều bước như đánh giá kết quả thu năm trước, phân tích bối cảnh kinh tế – xã hội, sự thay đổi chính sách thuế, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh, từ đó xây dựng phương án thu phù hợp và khả thi.

1.2.4. Tổ chức thu thuế

❖ **Đăng ký thuế:** là quá trình hộ kinh doanh cung cấp thông tin định danh cho cơ quan thuế nhằm quản lý và theo dõi trong suốt quá trình hoạt động. Theo Quyết định 329/QĐ-TCT ngày 27/03/2014, mỗi hộ kinh doanh chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất, sử dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động. Hộ kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong vòng 10 ngày kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, đồng thời khai báo khi có thay đổi thông tin và làm thủ tục chấm dứt mã số thuế khi ngừng hoạt động. Cơ quan thuế có trách nhiệm cấp, cập nhật, đóng mã số thuế và công khai thông tin trên hệ thống. Hồ sơ đăng ký bao gồm tờ khai mẫu 03-ĐK-TCT, bản sao

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và giấy tờ pháp lý của cá nhân đại diện hộ kinh doanh.

❖ **Khai thuế, tính thuế:** Việc tính thuế có thể do cơ quan thuế hoặc chính người nộp thuế thực hiện, tùy trường hợp và đối tượng. Theo Quyết định 879/QĐ-TCT, quy trình quản lý kê khai thuế bao gồm quản lý tình trạng kê khai, xử lý hồ sơ và xử lý vi phạm về nộp hồ sơ. Người nộp thuế có trách nhiệm tự khai và xác định số thuế phải nộp, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu. Đối với hộ kinh doanh nộp thuế khoán, việc khai thuế thực hiện một lần trong năm, trường hợp sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì khai thêm theo quý. Cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh hoặc cho thuê tài sản sẽ phải khai và nộp thuế GTGT, TNCN khi doanh thu trong năm vượt 100 triệu đồng. Cơ quan thuế vừa tôn trọng sự tự tính, tự khai của người nộp thuế, vừa giám sát chặt chẽ nhằm khuyến khích tuân thủ tự nguyện và ngăn ngừa vi phạm.

❖ **Ấn định thuế:** Trong quản lý thuế, nguyên tắc tự kê khai, tự nộp được áp dụng, nhưng cơ quan thuế vẫn có quyền ấn định thuế khi hộ kinh doanh không kê khai đầy đủ hoặc có doanh thu bất hợp lý so với thực tế. Việc ấn định dựa trên dữ liệu kê khai các kỳ trước, thông tin từ đối tác kinh tế, kết quả kiểm tra – thanh tra và so sánh với các hộ có ngành nghề, quy mô tương tự. Tùy tính chất vi phạm, cơ quan thuế có thể ấn định toàn bộ hoặc từng phần, nhằm ngăn chặn trốn thuế và đảm bảo nguồn thu ngân sách phù hợp với thực tế.

❖ **Nộp thuế:** Người nộp thuế có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn vào NSNN: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế (kê khai) hoặc theo thông báo của cơ quan thuế (khoán). Với cá nhân kinh doanh ở trung tâm, thuế được nộp tại điểm thu kho bạc; ở vùng xa, cán bộ thuế thu trực tiếp bằng biên lai và nộp vào kho bạc.

Đội thuế liên xã hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra biên lai; đội Kê khai – Kế toán thuế đối chiếu dữ liệu từ kho bạc và theo dõi tình hình nộp thuế. Hộ kinh doanh có thể nộp thuế tại kho bạc, cơ quan thuế, tổ chức ủy nhiệm thu hoặc tổ chức tín dụng theo quy định.

❖ **Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế:** Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế nhằm đảm bảo công bằng giữa các hộ kinh doanh và tránh thất thu ngân sách. Cơ quan thuế phân loại nợ thành: nợ có khả năng thu, nợ khó thu và nợ chờ xử lý để áp dụng biện pháp phù hợp. Việc đôn đốc được thực hiện theo thời gian nợ: từ nhắc nhở (1–30 ngày), thông báo chính thức (31–60 ngày), đến mời làm việc trực tiếp (61–90 ngày) Nếu nợ trên 90 ngày hoặc có dấu hiệu tẩu tán tài sản, cơ quan thuế sẽ cưỡng chế bằng các biện pháp như: trích tiền từ tài khoản, khấu trừ thu nhập, ngừng sử dụng hóa đơn, kê biên và bán đấu giá tài sản, thu hồi giấy đăng ký kinh doanh, thậm chí tạm hoãn xuất cảnh. Ngoài ra, hộ kinh doanh chậm nộp phải chịu thêm tiền phạt 0,03%/ngày trên số thuế nợ.

❖ **Quản lý miễn thuế, giảm thuế:** Cơ quan thuế thực hiện miễn, giảm thuế cho hộ kinh doanh theo quy định pháp luật, nhằm hỗ trợ khi họ đủ điều kiện. Miễn, giảm thuế hiện áp dụng trong hai trường hợp: ngừng, nghỉ kinh doanh và gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc bệnh hiểm nghèo. Với hộ kinh doanh tạm nghỉ, việc miễn giảm chỉ được chấp nhận khi đã có bộ thuế ổn định và thông báo bằng văn bản. Đối với trường hợp khó khăn khách quan, cơ quan thuế sẽ kiểm tra hồ sơ, đối chiếu thiệt hại, chi phí và tình hình tài chính để xác định mức miễn, giảm phù hợp. Sau khi thẩm định, đội Kê khai – Kế toán thuế dự thảo quyết định miễn, giảm hoặc thông báo không chấp nhận, trình lãnh đạo phê duyệt.

1.2.5. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế đối với hộ kinh doanh

Trong hệ thống quản lý thuế hiện đại, công tác kiểm tra thuế giữ vai trò trọng yếu nhằm giám sát, phát hiện và ngăn ngừa vi phạm, đồng thời khuyến khích người nộp thuế tuân thủ tự giác. Kiểm tra không chỉ giúp đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong kê khai, mà còn cung cấp thông tin thực tiễn để cơ quan thuế kiến nghị điều chỉnh, hoàn thiện chính sách. Có hai hình thức kiểm tra chính: tại trụ sở cơ quan thuế, thường dựa trên hồ sơ, tài liệu để tiết kiệm thời gian, chi phí; và tại trụ sở hộ kinh doanh, khi cần xác minh thực tế hoạt động hoặc nghi ngờ vi phạm. Bên cạnh đó, quy trình giải quyết khiếu nại được thiết lập nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế, đảm bảo khách quan, minh bạch, kịp thời và đúng thẩm quyền, qua đó duy trì sự cân bằng lợi ích giữa Nhà nước và người dân.

1.3. Căn cứ pháp lý của đề án quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh

1.3.1. Luật

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14
- Quyết định số 732/QĐ-TTg (2011)
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13
- Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)
- Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

1.3.2. Các văn bản dưới luật

- **Nghị định của Chính phủ:**

Nghị định 126/2020/NĐ-CP (19/10/2020)

Nghị định 123/2020/NĐ-CP (19/10/2020)

Nghị định 132/2020/NĐ-CP (05/11/2020)

- **Thông tư của Bộ Tài chính:**

Thông tư 40/2021/TT-BTC (01/6/2021)

Thông tư 80/2021/TT-BTC (29/9/2021)

Thông tư 78/2021/TT-BTC (17/9/2021)

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của đề án đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở lý thuyết vững chắc cho đề tài thông qua việc hệ thống hoá và phân tích các khái niệm, lý thuyết cốt lõi liên quan đến quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh.

Về mặt cơ sở lý thuyết, đề án đã làm rõ bản chất và vai trò của thuế trong nền kinh tế, đồng thời phân tích chuyên sâu đặc điểm cấu thành và chức năng của HKD trong hệ thống kinh tế quốc dân. Thông qua việc khảo sát các lý thuyết kinh điển và hiện đại, chương này đã cung cấp khung phân tích khoa học để hiểu rõ mối quan hệ phức tạp giữa chính sách thuế và hoạt động của các HKD, từ đó là nền tảng cho các phân tích thực tiễn trong các chương tiếp theo.

Chương 1 đã hệ thống hoá một cách toàn diện quy trình quản lý thu thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh, bao gồm từ các hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ ban đầu, lập dự toán thu thuế, tổ chức thực hiện thu thuế, cho đến các biện pháp giám sát tuân thủ như kiểm tra và thanh tra thuế. Việc phân tích này không chỉ làm rõ tính hệ thống và logic của quy trình quản lý mà còn chỉ ra rằng hiệu quả của công tác quản lý thu thuế phụ thuộc vào sự phối hợp chặt chẽ giữa các khâu trong quy trình và sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục của từng bộ phận chức năng.

Đặc biệt, trong chương 1 đã xác định và phân loại các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh theo nhóm chính: các yếu tố nội tại thuộc về năng lực và tổ chức của hệ thống quản lý thuế, và yếu tố ngoại tại từ môi trường pháp lý, kinh tế - xã

hội. Kết quả phân tích cho thấy, để nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế, cần có sự đầu tư đồng bộ vào cả hạ tầng vật chất – kỹ thuật và nguồn nhân lực của ngành thuế, đồng thời đòi hỏi sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật để tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thực thi chính sách thuế.

Những phân tích lý thuyết trong chương 1 đã tạo ra cơ sở khoa học vững chắc để tiến hành nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế đối với HKD trên địa bàn xã Đắk Pék trong các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẮK PÉK, TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Đắk Pék, tỉnh Quảng Ngãi

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Xã Đắk Pék là xã miền núi ở phía Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi, có đường Hồ Chí Minh đi qua và cách thành phố Kon Tum 122 km, Đà Nẵng 180 km. Xã có 130 km đường biên giới với Lào, nằm gần khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, giữ vai trò trung chuyển trên tuyến thương mại Việt Nam – Lào – Thái Lan – Myanmar.

2.1.1.2. Địa hình, khí hậu, thủy văn

- Địa hình: Xã Đắk Pék có địa hình đồi núi dốc, phức tạp với gò, cao nguyên và vùng trũng xen kẽ, gây khó khăn trong xây dựng hạ tầng và phân bố dân cư. Vùng trũng thích hợp trồng cà phê, cao su, còn đồi núi thích hợp phát triển lâm nghiệp.

- Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới núi cao, nhiệt độ trung bình khoảng 20°C, lượng mưa 2.100 – 2.600 mm. Mùa khô kéo dài gây thiếu nước, mùa mưa dễ xảy ra lũ quét và sạt lở, ảnh hưởng đến sản xuất nông lâm nghiệp và đời sống dân cư.

2.1.1.3. Tài nguyên

Nhóm khoáng sản kim loại quý hiếm, gồm mỏ vàng gốc phân bố.

Nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng gồm: đá, cát, sỏi xây dựng.

2.1.2. Tình hình Kinh tế - xã hội xã Đăk Pék

❖ Lĩnh vực Kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm (giai đoạn 2020 – 2024) là 14 16%; năm 2024 là 15 87%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 là 46 triệu đồng, gấp 1.3 lần so với năm 2020.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 36.80%; Công nghiệp và Xây dựng chiếm 28.20%; Dịch vụ chiếm 35.00%.

❖ Lĩnh vực xã hội

- Dân số trung bình khoảng 620.000 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, trong đó 44% được đào tạo nghề. Khoảng 7.000 lao động được tạo việc làm mới trong năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3% so với trước, đạt nhiều kết quả khả quan.

- Đầu tư phát triển nhiều công trình văn hóa; di sản lịch sử và văn hóa được trùng tu, các ngôi nhà rông cổ truyền được cải tạo, duy trì giá trị văn hóa đặc trưng.

2.1.3. Tình hình hoạt động của hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đăk Pék

2.1.3.1. Đặc điểm của hộ kinh doanh trên địa bàn xã

Hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék chủ yếu có quy mô nhỏ, phân tán và tập trung vào thương mại phân phối cũng như cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt địa phương. Hoạt động của các hộ này có tính linh hoạt cao, thường xuyên điều chỉnh ngành nghề, địa điểm hoặc quy mô kinh doanh theo biến động thị trường, đồng thời phản ánh xu hướng đa dạng hóa sinh kế phổ biến ở các khu vực nông thôn.

2.1.3.2. Quy mô phát triển của hộ kinh doanh trên địa bàn xã

Đến năm 2024, số lượng hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék còn tăng trưởng hạn chế, với tổng cộng 996 hộ đang được quản lý, trong đó 838 hộ áp dụng hình thức thuế khoán. Từ năm 2020, số hộ kinh doanh cá thể tăng trung bình khoảng 64 hộ mỗi năm. Về quy mô hoạt động, phần lớn các hộ đều thuộc nhóm vừa và nhỏ, trong đó có 156 hộ có doanh thu thấp. Tổng số thuế lập bộ cả năm đạt 4.116 triệu đồng, bao gồm thuế GTGT 2.267 triệu đồng, thuế TNCN 1.168 triệu đồng và thuế TTĐB 100 triệu đồng, tương ứng với mức thuế lập bộ bình quân khoảng 340.165 đồng/hộ/tháng.

2.2. Thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh xã Đăk Pék trong thời gian qua

2.2.1. Thực trạng bộ máy quản lý thu thuế

Cơ quan thuế cơ sở 11 (tính đến năm 2024) có 22 cán bộ công chức, viên chức. Trong đó:

Ban lãnh đạo cơ quan thuế gồm: 3 công chức

Cán bộ có trình độ Đại học: 19 cán bộ, chiếm 86.37%

Cán bộ có trình độ Cao đẳng: 02 cán bộ, chiếm 13.63%

Cán bộ nữ: 09 cán bộ, chiếm 40.90%

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát về bộ máy quản lý thu thuế HKD tại Cơ quan thuế Xã Đăk Pék

Tiêu chí	Số lượng (ý kiến)	Cơ cấu (%)
1 Về số lượng cán bộ	22	100.00
- Đã đủ để đáp ứng công việc	3	13.64
- Còn thiếu	19	86.36
2 Về chất lượng cán bộ	22	100.00
- Đã đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ	6	27.27
- Chưa đảm bảo về chuyên môn nghiệp vụ	16	72.73
3 Về sắp xếp tổ chức máy	22	100.00
- Đã hợp lý	5	22.73
- Chưa hợp lý	17	77.27

(Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát)

2.2.2. Thực trạng công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

Bảng 2.3. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền

Năm	Tập huấn		Đối thoại		Số bài báo
	Số lớp	Số lượt người	Số cuộc	Số người	
2020	3	570	3	365	17
2021	4	610	4	550	18
2022	4	727	4	625	18
2023	5	657	5	350	20
2024	5	137	5	776	23

(Nguồn: Báo cáo công tác TT – HT từ năm 2020 – 2024 CCT Đắk Pék)

2.3. Thực trạng công tác lập dự toán thu thuế

**Bảng 2.6. Tình hình lập, giao dự toán thu thuế đối với HKD xã
Đắk Pék giai đoạn 2020 - 2024**

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024
1 U' TH năm trước liên kê	Tr đồng	2.865	3.148	3.223	3.393	3.122
2 Dự toán lập	Tr đồng	2.877	3.169	3.674	3.800	3.559
3 Dự toán giao	Tr đồng	2.804	3.100	3.733	3.834	3.559
4 Tỷ lệ dự toán lập/U' TH	%	100.42	100.67	113.99	112.00	114.00
5 Tỷ lệ dự toán giao/U' TH	%	97.87	98.48	115.82	113.00	114.00

(Nguồn: Cơ quan thuế Đắk Pék)

2.2.4. Thực trạng công tác tổ chức thu thuế

❖ **Thực trạng quản lý đăng ký thuế:**

Bảng 2.7. Số lượng, hộ kinh doanh đang quản lý thuế

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Hộ cá thể đang QLT	633	727	768	911	996
Hộ cá thể tăng thêm các năm	0	94	41	143	85

(Nguồn: CQT Đắk Pék)

Bảng 2.8. Kết quả điều tra hộ kinh doanh đã lập bộ quản lý

Chỉ tiêu	Năm				
	2020	2021	2022	2023	2024
Số hộ thực tế kinh doanh	762	732	782	937	1004
Số hộ lập bộ đăng ký lập hộ	735	728	765	911	995
Chênh lệch số thực tế với số đăng ký lập bộ	27	4	17	26	9

(Nguồn: CQT Đắk Pék)

❖ **Thực trạng công tác quản lý doanh thu, mức thuế khoán của hộ kinh doanh:**

Quy trình xác định doanh thu và thuế khoán tại xã Đắk Pék do Đội Kế khai – Kế toán phối hợp với Đội thuế liên xã, dựa trên doanh thu năm trước, kê khai của hộ kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng. Thông tin được công khai hai giai đoạn: gửi trực tiếp và niêm yết tại các điểm công khai, sau đó thu ý kiến phản hồi để điều chỉnh; bổ sung kênh điện tử để tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, việc dựa chủ yếu vào dữ liệu lịch sử và kê khai khiến mức thuế khoán chênh lệch với thực tế, nhiều hộ kê khai thấp. Cơ quan thuế chưa kiểm soát, xử lý vi phạm hiệu quả, dẫn đến thất thoát thuế và ảnh hưởng công bằng trong thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

❖ **Thực trạng nộp thuế của hộ kinh doanh:**

Bảng 2.10. Tổng hợp kết quả nộp thuế

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số hộ lập bộ đăng ký lập bộ	735	728	765	911	995

Số tiền thuế hộ lập bộ phải nộp	1.967	2.150	2.533	3.821	4.126
Số tiền đã nộp vào NSNN	1.825	2.017	2.390	3.565	3.828

(Nguồn: CQT Đắk Pék)

❖ **Thực trạng quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế:**

Bảng 2.12. Báo cáo phân loại nợ thuế

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm				
	2020	2021	2022	2023	2024
Số tiền thuế nợ đến 31/12	145	143	152	177	192
Nợ có khả năng thu	110	113	126	142	128
- Nợ dưới 90 ngày	49	52	54	60	58
- Nợ trên 90 ngày	61	61	72	82	70
Nợ có khả năng thu/Tổng nợ (%)	0.76	0.79	0.82	0.81	0.67
Nợ không có khả năng thu/Tổng nợ (%)	0.24	0.21	0.18	0.19	0.33

(Nguồn: CQT Đắk Pék)

❖ **Thực trạng quản lý miễn, giảm thuế:**

Bảng 2.14. Kết quả miễn, giảm thuế đối với hộ kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Năm	Số hộ kinh doanh được miễn giảm	Tổng số tiền miễn giảm
2020	115	41.4
2021	98	38.6
2022	106	41.1

2023	84	36.8
2024	92	38.1

(Nguồn: CQT Đắk Pék)

2.2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế đối với hộ kinh doanh

Bảng 2.17. Báo cáo tình hình kiểm tra thuế

Chỉ tiêu	Nă m 202 0	Nă m 202 1	Nă m 202 2	Nă m 202 3	Nă m 202 4
Số HKD được kiểm tra (lượt)	81	65	74	78	76
Số HKD bị phạt	4	3	2	3	2
Tỷ lệ HKD bị phạt/Số HKD được kiểm tra	4.9 %	4.6 %	2.7 %	3.8 %	2.6 %
Số tiền phạt và truy thu bình quân (triệu đồng)	1.70	1.28	0.8	1.4	0.8

(Nguồn: CQT Đắk Pék)

2.3. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại Cơ quan thuế xã Đắk Pék tỉnh Quảng Ngãi

2.3.1. Những mặt thành công

2.3.2. Những tồn tại và hạn chế

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã thực hiện việc khảo sát toàn diện đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Đắk Pék cũng như đánh giá thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với các hộ kinh doanh tại Cơ quan thuế cơ sở 11, dựa trên nền tảng lý thuyết đã được xây dựng ở chương 1.

Công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại địa phương đã ghi nhận những tiến bộ đáng ghi nhận. Cụ thể, hoạt động này đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, hỗ trợ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, mở rộng cơ hội việc làm và gia tăng thu nhập cho người lao động địa phương. Đặc biệt, công tác này đã tạo lập không gian cạnh tranh công bằng và minh bạch giữa các hộ kinh doanh trên địa bàn.

Tuy nhiên, khi đánh giá một cách khách quan, công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã vẫn chưa đạt được mức độ hiệu quả như kỳ vọng, chưa bao quát được toàn bộ hoạt động kinh tế của các hộ kinh doanh. Công tác quản lý còn gặp nhiều rào cản và hạn chế, đặc biệt là thiếu vắng hướng dẫn chi tiết về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thuế phục vụ công tác kiểm tra tại các hộ kinh doanh. Bên cạnh đó, chính sách thuế hiện hành còn tồn tại nhiều điểm vướng mắc. Đồng thời, các quy định về xử phạt vi phạm thuế và hoá đơn chưa phù hợp với thực tế, chưa bao quát hết các hành vi vi phạm, dẫn đến việc phải điều chỉnh thường xuyên.

Từ những thực trạng được phân tích trên, việc nghiên cứu sâu các vấn đề còn tồn tại là cấp thiết nhằm xây dựng các giải pháp cụ thể và khả thi để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại Cơ quan thuế cơ sở 11 trong thời gian tới. Kết quả phân tích chương 2 sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng hệ thống giải pháp toàn diện, thiết thực nhằm khắc phục những hạn chế đã được xác định và phát huy tối đa tiềm năng của công tác quản lý thu thuế tại địa phương.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẮK PÉK

3.1. Cơ sở tiền đề cho việc xây dựng đề án

3.1.1. Định hướng về quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh của Trung ương

- Hoàn thiện pháp lý: Rà soát, sửa đổi Luật Thuế và văn bản hướng dẫn, tạo khung quy định rõ ràng, đồng bộ, dễ thực hiện cho HKD.

- Nâng cao hiệu quả quản lý: Số hoá quy trình, xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp, đảm bảo thu thuế chính xác, linh hoạt theo đặc thù từng hộ.

- Thúc đẩy kinh tế - xã hội: Giảm chênh lệch thuế với doanh nghiệp, khuyến khích chuyển đổi sang doanh nghiệp, nâng cao tuân thủ pháp luật.

3.1.2. Định hướng về quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék

- Tổ chức bộ máy: Xây dựng hệ thống quản lý thuế hiện đại, tinh gọn; đào tạo cán bộ nâng cao chuyên môn và kỹ năng công nghệ.

- Tuyên truyền, giáo dục: Phổ biến chính sách thuế đa dạng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, xây dựng văn hoá tuân thủ thuế.

- Cập nhật và phân loại: Rà soát toàn diện HKD, phân loại theo quy mô và ngành nghề để quản lý phù hợp, đảm bảo tuân thủ thuế.

- Kiểm tra, xử lý vi phạm: Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất, xử lý nghiêm hành vi trốn thuế, nợ thuế để đảm bảo rắn đe.

3.2. Các giải pháp của đề án

3.2.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh

- Xây dựng hệ thống quản lý thuế khoa học, cán bộ đồng đều về trình độ và năng lực; Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng CNTT, quản lý thuế điện tử và ý thức pháp luật.

- Phân loại HKD, triển khai thuế điện tử, kê khai trực tuyến, kết nối dữ liệu liên cơ quan.

3.2.2 Tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, hỗ trợ về chính sách thuế

Công tác tuyên truyền và hỗ trợ thuế được phân nhóm HKD để nâng cao hiệu quả:

- Nhóm 1 (tuân thủ tốt): Tuyên truyền chính sách ưu đãi, hội thảo nâng cao, chia sẻ kinh nghiệm.

- Nhóm 2 (tuân thủ trung bình): Hướng dẫn thủ tục, tập huấn, tư vấn thuế, khắc phục sai sót.

- Nhóm 3 (tuân thủ thấp/vi phạm): Thông tin nghĩa vụ, hậu quả pháp lý, kiểm tra, hỗ trợ cải thiện.

3.2.3. Hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế đối với hộ kinh doanh

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thu ngân sách xã Đăk Pék đồng bộ, an toàn, cập nhật thường xuyên.

- Ứng dụng mô hình dự báo để ước tính doanh thu và thuế của HKD, nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo nguồn thu.

3.2.4. Hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế đối với hộ kinh doanh

a. Quản lý đăng ký thuế

- Hoàn thiện quy trình và hệ thống quản lý, liên thông giữa Cơ quan thuế và Phòng Tài chính – Kế hoạch về cấp MST và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Phối hợp xác minh, kiểm tra dữ liệu và khảo sát đột xuất để phát hiện thay đổi hoạt động kinh doanh; xử lý nghiêm vi phạm, truy thu thuế, phạt tiền và tước giấy phép kinh doanh khi cần.

b. Quản lý doanh thu, mức thuế khoán

- Thực hiện kiểm tra định kỳ để đảm bảo doanh thu chính xác, rà soát các nguồn thu chưa khai thác và điều chỉnh mức thu đối với các hộ có tăng trưởng trên 50%.

- Yêu cầu HKD sử dụng hoá đơn, khuyến khích thanh toán không tiền mặt, phối hợp với ngân hàng/kho bạc để theo dõi giao dịch, đảm bảo doanh thu phản ánh thực tế.

c. Quản lý nộp thuế

- Phối hợp với Phòng Thống kê, chính quyền địa phương, HĐTVT và tổ dân phố để lập hồ sơ, danh bạ chi tiết các HKD.

- Mở rộng điểm thu, lập kế hoạch sát thực tế, xây dựng chế độ thưởng phạt công bằng để khuyến khích nộp thuế đúng hạn, nâng cao hiệu quả quản lý.

d. Quản lý nợ thuế

- Cập nhật danh sách HKD nợ thuế, phân loại nợ (mới, quá hạn, khó thu), áp dụng biện pháp phù hợp như cưỡng chế, khoan/xóa nợ, hỗ trợ trả dần; công bố thông tin HKD nợ để tăng tuân thủ.

- Phân tích dữ liệu nợ, doanh thu, lợi nhuận để dự báo; phân loại HKD theo rủi ro (cao, trung bình, thấp) và áp dụng giám sát, tuyên truyền, khen thưởng phù hợp.

e. Miễn thuế, giảm thuế

- Xây dựng kế hoạch rà soát toàn diện, bố trí cán bộ đủ năng lực hướng dẫn HKD, thẩm định và kiểm tra hồ sơ kỹ lưỡng, đảm bảo đúng thời hạn pháp luật.

- Ứng dụng phần mềm quản lý trực tuyến, chữ ký điện tử, khai thác cơ sở dữ liệu HKD; phân loại hồ sơ theo nhóm, tập trung vào trường hợp có nguy cơ gian lận để giải quyết kịp thời, minh bạch.

3.2.5. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế đối với hộ kinh doanh

- Tập trung vào HKD rủi ro cao, triển khai kiểm tra trực tiếp, qua hồ sơ và dữ liệu điện tử; xử lý vi phạm nghiêm minh để răn đe, đảm bảo công bằng kinh doanh.

- Rà soát HKD thương mại, ăn uống, dịch vụ và xây dựng nhà tư nhân; phối hợp UBND, phòng kinh tế hạ tầng để thu thuế xây dựng cơ bản, sử dụng đất; xử lý nộp muộn và truy thu nợ thuế nghiêm túc.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã hệ thống hóa và làm rõ định hướng cũng như quan điểm quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh từ Trung ương đến địa phương, đồng thời chỉ ra những định hướng cụ thể của xã Đăk Pék trong giai đoạn tới. Qua đó có thể thấy, công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh ngày càng giữ vai trò then chốt trong việc đảm bảo nguồn thu ngân sách, điều tiết kinh tế và tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék đã đạt được một số kết quả tích cực, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế, đặc biệt là tình trạng thất thu thuế, mức thuế khoán chưa sát thực tế, công tác tuyên truyền còn mang tính hình thức, cơ sở dữ liệu chưa đồng bộ, và năng lực cán bộ thuế còn nhiều

bất cập. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến tính công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế, mà còn làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thuế, gây thất thoát ngân sách và kìm hãm sự phát triển của khu vực hộ kinh doanh.

Định hướng từ Trung ương nhấn mạnh đến yêu cầu cải cách toàn diện hệ thống thuế theo hướng hiện đại, minh bạch và công bằng; đồng thời đề cao việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn, nâng cao năng lực cán bộ và mở rộng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Trên cơ sở đó, chính quyền xã Đăk Pék đã xác định mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý thuế gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đồng thời chú trọng đến việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của hộ kinh doanh.

Những định hướng này đã đặt nền tảng cho việc xây dựng hệ thống giải pháp trong chương tiếp theo, với mục tiêu vừa khắc phục những hạn chế còn tồn tại, vừa phát huy những thành quả đã đạt được. Như vậy, chương 3 không chỉ mang ý nghĩa lý luận khi khẳng định tầm quan trọng của việc quản lý thuế đối với hộ kinh doanh trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc khi định hướng rõ ràng cho công tác quản lý tại xã Đăk Pék trong giai đoạn tới. Đây chính là cơ sở để triển khai các giải pháp cụ thể tại chương 4 nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh một cách đồng bộ, bền vững và hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Với giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

Lãnh đạo Cơ quan thuế điều hành và hoàn thiện bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HKD, với nhiệm vụ lập kế hoạch, phân công, điều phối và giám sát công việc. Các đội chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được phân công.

4.1.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2025 – 2026: Hoàn thiện nền tảng tổ chức và nhân sự

- Giai đoạn 2027 – 2028: Đẩy mạnh hiện đại hoá và phối hợp liên ngành

- Giai đoạn 2029 – 2030: Hiện đại hoá toàn diện và phát triển bền vững

4.1.3. Kinh phí và nguồn lực

Việc hoàn thiện bộ máy quản lý thu thuế tại xã Đắk Pék đòi hỏi đảm bảo kinh phí và nguồn lực. Theo Tổng cục Thuế (2022), chi phí đào tạo và đầu tư hạ tầng CNTT chiếm hơn 60% tổng kinh phí cải cách thuế. Kinh phí có thể huy động từ ngân sách nhà nước và chương trình cải cách thuế giai đoạn 2021–2030, phân bổ hợp lý: 30% đào tạo, 40% hạ tầng CNTT, 20% tuyên truyền–phối hợp và 10% chi phí quản lý khác, đồng thời kết hợp cơ chế khen thưởng để tạo động lực cho cán bộ.

Nguồn lực con người gồm đội ngũ cán bộ thuế có trình độ chuyên môn vững, thường xuyên bồi dưỡng, có đạo đức nghề nghiệp và tinh thần phục vụ, cùng đội ngũ hỗ trợ: CNTT, văn thư lưu trữ và bảo vệ. Nguồn lực vật chất gồm trụ sở làm việc đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị văn phòng và tin học hiện đại. Về kỹ thuật, cần ứng dụng CNTT, Big Data và AI để nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát và quản lý thuế.

4.2. Với giải pháp tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

4.2.1. Phân công nhiệm vụ

UBND xã Đăk Pék lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp triển khai các giải pháp quản lý thu thuế hộ kinh doanh, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho các cơ quan, ban ngành và tổ chức tuyên truyền chính sách tới người nộp thuế. Cơ quan thuế xã, phối hợp với chính quyền địa phương và các hội đoàn thể, triển khai các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ, đồng thời đảm bảo cơ sở vật chất và theo dõi đặc thù kinh doanh từng địa bàn để nâng cao hiệu quả quản lý.

4.2.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2025 – 2026: Đa dạng hoá hình thức tuyên truyền.
- Giai đoạn 2027 – 2028: Hoàn thiện cổng thông tin điện tử và hệ thống hỗ trợ trực tuyến
- Giai đoạn 2029 – 2030: Ứng dụng công nghệ số trong tuyên truyền, đồng thời hợp tác với các tổ chức xã hội và hiệp hội doanh nghiệp để hỗ trợ HKD thực hiện nghĩa vụ thuế.

4.2.3. Kinh phí và nguồn lực

Các nguồn kinh phí có thể huy động:

- Ngân sách nhà nước phân bổ qua Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi
- Nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021 – 2030
- Nguồn xã hội hoá: Phối hợp cùng các hiệp hội, các tổ chức xã hội

Nguồn lực gồm các cán bộ trong đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế, phân công ít nhất 3 – 4 cán bộ chuyên trách Phối hợp với Đài phát thanh xã, UBND xã, hội phụ nữ, đoàn thanh niên để mở

rộng phạm vi tuyên truyền; Ngoài ra còn có cơ sở vật chất của Cơ quan thuế và của các cơ quan ban ngành, đoàn thể trên địa bàn xã Đắk Pék

4.3. Với giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế

4.3.1. Phân công nhiệm vụ

- Lãnh đạo Cơ quan thuế: Chỉ đạo xây dựng và báo cáo dự toán thu thuế.

- Đội Kế khai – Kế toán – Tin học: Tổng hợp số liệu và đánh giá thực hiện dự toán.

- Đội Tổng hợp – Nghiệp vụ - Dự toán – Pháp chế: Lập dự toán thu thuế dựa trên số liệu.

- Đội Kiểm tra thuế và Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Cung cấp số liệu về nợ đọng, miễn giảm, hoàn thuế; đánh giá rủi ro thất thu để điều chỉnh chỉ tiêu dự toán.

4.3.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2025 – 2026: Phân tích số liệu thuế HKD, xác định chỉ tiêu dự toán, xây dựng biểu mẫu phù hợp và ứng dụng hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS).

- Giai đoạn 2027 – 2028: Yêu cầu các HKD thực hiện kê khai đầy đủ, sử dụng công cụ phân tích dữ liệu và phương pháp dự báo để nâng cao độ chính xác.

- Giai đoạn 2029 – 2030: Hoàn thiện toàn diện hệ thống lập dự toán thu thuế bằng công nghệ tiên tiến, phát triển cơ sở dữ liệu HKD.

4 3 3 Kinh phí và nguồn lực

Các nguồn kinh phí có thể huy động:

- Ngân sách nhà nước phân bổ qua Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi

- Nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021 – 2030

Nguồn lực con người gồm đội ngũ thuế được đào tạo chuyên nghiệp, bổ sung nhân viên phân tích dữ liệu và CNTT để đảm bảo vận hành phần mềm lập dự toán hiệu quả. Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất được đảm bảo qua kinh phí đào tạo, trang bị máy tính, phần mềm, thiết bị văn phòng, không gian làm việc và mạng internet ổn định. Đồng thời, hệ thống pháp luật thuế đầy đủ và cập nhật giúp nhân viên áp dụng chính xác quy định và hướng dẫn HKD trong công tác lập dự toán thu thuế.

4.4. Với giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế

4.4.1. Phân công nhiệm vụ

Lãnh đạo Cơ quan thuế chỉ đạo tổng thể, lập kế hoạch thu hàng năm và phân công nhiệm vụ cho các đội nghiệp vụ. Các đội chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ cụ thể: Kế khai – Kế toán – Tin học quản lý người nộp thuế và thủ tục kế khai, Kiểm tra thuế rà soát hồ sơ và xử lý vi phạm, Quản lý nợ thu hồi và quản lý nợ thuế, Quản lý thuế liên xã đơn đốc thu thuế và theo dõi tình hướng phát sinh. Tất cả đội phối hợp chặt chẽ để đảm bảo triển khai hiệu quả các giải pháp quản lý thu thuế.

4.4.2. Lộ trình thực hiện

a. Với nội dung Quản lý đăng ký thuế:

- Giai đoạn 2025 - 2026: Rà soát HKD, đơn giản hoá thủ tục đăng ký thuế. Hướng dẫn HKD đăng ký trực tuyến.

- Giai đoạn 2027 – 2028: Hoàn thiện hệ thống thủ tục đăng ký thuế trực tuyến dành cho HKD Ứng dụng các công nghệ số và triển khai mã định danh thuế thống nhất.

- Giai đoạn 2029 – 2030: Duy trì, phát triển hệ thống trực tuyến, hoàn thiện cơ sở dữ liệu liên thông giữa cơ quan thuế, công an và đăng ký kinh doanh để nâng cao hiệu quả và bảo mật.

b. Với nội dung kê khai - ấn định thuế:

- Giai đoạn 2025 – 2026: Rà soát và đơn giản hóa các thủ tục kê khai - ấn định thuế cho HKD, công khai phương pháp ấn định và giám sát việc thực hiện.

- Giai đoạn 2027 – 2028: Ứng dụng phần mềm kê khai điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử và máy tính tiền, kết nối hệ thống kê khai - ấn định với quản lý đối tượng và nợ thuế.

- Giai đoạn 2029 – 2030: Hoàn thiện hệ thống kê khai - ấn định thuế trực tuyến, hỗ trợ HKD kê khai tự động.

c. Với nội dung nộp thuế:

- Giai đoạn 2025 – 2026: Hướng dẫn sử dụng cổng thuế và ứng dụng ngân hàng số.

- Giai đoạn 2027 – 2028: Đạt 80 – 90% HKD nộp thuế điện tử, triển khai thanh toán qua QR code và mobile banking.

- Giai đoạn 2029 – 2030: 100% hộ kinh doanh nộp thuế không dùng tiền mặt, áp dụng xác nhận nộp thuế tức thời qua SMS/email/zalo.

d. Với nội dung Quản lý nợ thuế:

- Giai đoạn 2025 – 2026: Hoàn thiện hệ thống quản lý nợ thuế đối với HKD, công khai danh sách hộ nợ trên website Cơ quan thuế.

- Giai đoạn 2027 – 2028: Áp dụng hệ thống cảnh báo sớm đối với HKD có rủi ro và triển khai cưỡng chế tự động qua tài khoản ngân hàng.

- Giai đoạn 2029 – 2030: Nâng cao hiệu quả thu hồi nợ, kết nối dữ liệu với toà án và thi hành án dân sự để xử lý triệt để các hành vi vi phạm thuế nghiêm trọng.

e. Với nội dung Miễn, giảm thuế:

- Giai đoạn 2025 – 2026: Rà soát hồ sơ miễn, giảm thuế theo ngành nghề và chính sách ưu đãi; hoàn thiện chính sách và phát triển hệ thống quản lý.

- Giai đoạn 2027 – 2028: Ứng dụng quản lý hồ sơ điện tử, nộp và xét duyệt trực tuyến.

- Giai đoạn 2029 – 2030: Đánh giá hiệu quả thực thi chính sách, công khai minh bạch kết quả trên cổng thông tin điện tử.

4.4.3. Kinh phí và nguồn lực

Các nguồn kinh phí có thể huy động:

- Ngân sách nhà nước phân bổ qua Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi

- Nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021 – 2030

Nguồn lực con người gồm cán bộ thuế được đào tạo chuyên sâu, đội ngũ hỗ trợ và sự phối hợp chặt chẽ với UBND, phòng Tài chính – Kế hoạch, Kho bạc và Ngân hàng. Nguồn lực vật chất bao gồm phần mềm quản lý HKD hiện đại, máy chủ bảo mật, thiết bị văn phòng và phương tiện tuyên truyền, kết hợp tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm thuế.

4.5.1. Phân công nhiệm vụ

- UBND xã Đăk Pék: chỉ đạo thực hiện giải pháp kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm thuế.

- Lãnh đạo Cơ quan thuế: Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm, phê duyệt danh sách HKD kiểm tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

- Đội Kiểm tra thuế: Thực hiện trực tiếp, đối chiếu kê khai với thực tế, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả.

- Đội Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế: Cung cấp dữ liệu HKD nợ kéo dài, thực hiện cưỡng chế theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị liên quan: Phối hợp với cơ quan thuế để triển khai hiệu quả giải pháp kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

4.5.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2025 – 2026: Rà soát, phân loại HKD rủi ro cao và hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý thuế.

- Giai đoạn 2027 – 2028: Hoàn thiện pháp luật thuế, áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra và xây dựng sự phối hợp giữa cơ quan thuế và chính quyền địa phương.

- Giai đoạn 2029 – 2030: Hoàn thiện hệ thống quản lý thuế đối với HKD, giảm thủ tục hành chính, kết hợp giám sát trực tuyến và thanh tra định kỳ.

4 5 3 Kinh phí và nguồn lực

Các nguồn kinh phí có thể huy động:

- Ngân sách nhà nước phân bổ qua Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi

- Nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021 – 2030

Nguồn lực con người:

Cán bộ Đội Kiểm tra thuế: Đảm bảo đủ cán bộ đội kiểm tra thuế, được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ và kiểm tra HKD có rủi ro cao.

Nguồn lực tài chính: Để đảm bảo hiệu quả, cần bố trí kinh phí cho các hoạt động kiểm tra, giám sát, tuyên truyền và đào tạo cán bộ.

Nguồn lực vật chất: Cần máy tính, thiết bị văn phòng, phương tiện và công cụ kỹ thuật hỗ trợ kiểm tra.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Chương 4 đã tập trung đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn xã Đăk Pék. Các giải pháp được xây dựng dựa trên sự phân

công nhiệm vụ rõ ràng, lộ trình thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn và nguồn lực, kinh phí bảo đảm khả thi. Trước hết, giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý thu thuế được coi là nền tảng cốt lõi, tạo cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả điều hành và phối hợp giữa các đội, phòng ban trong hệ thống thuế. Việc phân định chức năng, trách nhiệm của từng bộ phận cùng với kế hoạch đào tạo, ứng dụng công nghệ và lộ trình hiện đại hóa bộ máy đến năm 2030 sẽ góp phần xây dựng hệ thống quản lý thuế tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả.

Bên cạnh đó, giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và hợp tác từ phía hộ kinh doanh. Thông qua đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, ứng dụng công nghệ số và sự phối hợp của chính quyền địa phương, công tác hỗ trợ sẽ ngày càng gần gũi, thiết thực và hiệu quả.

Giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế được xây dựng với cách tiếp cận khoa học, kết hợp giữa phân tích số liệu, ứng dụng công nghệ dự báo hiện đại và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện. Đây là cơ sở để bảo đảm tính chính xác, minh bạch và bền vững trong công tác thu ngân sách.

Đồng thời, giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế hướng đến hiện đại hóa toàn diện các khâu từ đăng ký, kê khai, nộp thuế đến quản lý nợ và miễn giảm thuế. Việc triển khai đồng bộ các công cụ điện tử, ứng dụng dữ liệu lớn và thanh toán không dùng tiền mặt sẽ tạo bước tiến vượt bậc trong quản lý thuế, giảm thiểu thất thoát và nâng cao tính minh bạch.

Cuối cùng, giải pháp tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về thuế nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, công bằng trong

thực hiện nghĩa vụ thuế và tạo môi trường kinh doanh lành mạnh. Việc áp dụng cơ chế quản lý rủi ro, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và tăng cường phối hợp liên ngành sẽ nâng cao hiệu quả kiểm tra, ngăn chặn kịp thời các hành vi trốn lậu thuế.

Tổng thể, các giải pháp trong chương 4 không chỉ mang tính khả thi mà còn phù hợp với định hướng cải cách hệ thống thuế quốc gia giai đoạn 2021–203. Nếu được triển khai đồng bộ, quyết liệt và có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế, chính quyền địa phương cùng các tổ chức, cá nhân liên quan, công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék sẽ đạt được sự đổi mới căn bản, góp phần tăng thu ngân sách, hạn chế thất thu, đồng thời nâng cao tính minh bạch, công bằng và hiệu quả quản lý nhà nước về thuế.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước, tạo môi trường kinh doanh công bằng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực kinh tế cá thể. Với địa bàn nghiên cứu là xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi – một địa phương miền núi có đặc điểm kinh tế - xã hội đặc thù – đề tài đã tập trung làm rõ thực trạng công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, đồng thời phân tích những kết quả đạt được, hạn chế tồn tại và nguyên nhân của những bất cập trong công tác quản lý thu thuế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù công tác quản lý thu thuế tại xã Đăk Pék trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực như số lượng hộ kinh doanh lập bộ tăng lên qua các năm, công tác tuyên truyền được chú trọng, tình trạng nợ thuế từng bước được kiểm soát, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như việc bỏ sót đối tượng

nộp thuế, tình trạng khai thuế chưa sát với doanh thu thực tế, hạn chế về nguồn nhân lực, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ và đồng bộ.

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, đề tài đã đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék, như: tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của hộ kinh doanh về nghĩa vụ thuế; cải cách thủ tục hành chính thuế; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của cơ quan thuế; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan; và đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý vi phạm thuế.

Những giải pháp này, nếu được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế tại địa phương, từ đó thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, minh bạch và bền vững của khu vực hộ kinh doanh tại xã Đăk Pék nói riêng và địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói chung.